

Bản án số: 24/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 23/9/2019

V/v Ly hôn

## NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HÓA, TỈNH TUYÊN QUANG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Loan.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hoàng Văn Tấn.

2. Bà Triệu Thị Yên.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hứa Thị Hanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa,** tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2019 về việc Ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 23/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nông Thị T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn B (nay là thôn B), xã B, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.  
(*Vắng mặt có đơn xin xử vắng mặt*).

2. Bị đơn: Anh Quan Văn H, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. (*Vắng mặt không có lý do*).

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt chị Nông Thị T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Quan Văn H kết hôn ngày 16/01/2014 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống cùng gia đình nhà chồng tại thôn N, xã L, huyện C, tỉnh Tuyên Quang vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 6 năm 2016 do hoàn cảnh gia đình khó khăn chị và anh H

cùng nhau đi làm ăn ở tỉnh Đắk Lắk được khoảng một năm thì anh chị về tỉnh Bắc Ninh làm công nhân, thời gian đầu anh chị làm cùng công ty và chung sống cùng nhau được khoảng 03 tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có con chung nên anh H không tin tưởng chị, nghi ngờ chị có quan hệ bất chính với người đàn ông khác từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau khiến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Đến tháng 4 năm 2017 thì chị bỏ về nhà mẹ đẻ sống còn anh H vẫn đi làm, mặc dù mâu thuẫn giữa anh chị đã được hai bên gia đình dàn xếp, hòa giải với nhau nhiều lần nhưng vẫn không thể khắc phục được và anh chị sống ly thân từ đó cho đến nhau mỗi người sống ở một nơi không ai quan tâm đến ai nữa. Hiện nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được chị xin được ly hôn với anh Quan Văn H.

Về con chung: Quá tình chung sống vợ chồng chị không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung; nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi anh Quan Văn H đến để giải quyết việc chị Nông Thị T đề nghị ly hôn nhưng anh H đều không có mặt. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay anh H vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã L, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Qua xác minh mẹ đẻ của anh H là bà Đặng Thị M cho biết. Chị T và anh H kết hôn năm 2014 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chị T về chung sống cùng gia đình bà, cuộc sống của anh chị hạnh phúc được khoảng 01 năm thì chị T và anh H cùng nhau đi làm công ty thỉnh thoảng mới về thăm nhà một lần. Đến năm 2016 thì anh chị xảy ra mâu thuẫn do hai bên không tin tưởng nhau, nghi ngờ nhau có quan hệ bất chính với người khác từ đó thường xảy ra cãi vã khiến cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng đến đầu năm 2017 vợ chồng chị T chính thức sống ly thân từ đó cho đến nay, thực tế hôn nhân giữa chị T, anh H đã không còn tồn tại từ năm 2017. Trước khi chị T xin ly hôn khoảng 03 tháng thì anh H đi vào miền Nam làm công nhân, anh H thường xuyên gọi điện liên lạc với gia đình bà nhưng không thông báo địa chỉ nơi ở và nơi làm việc nên gia đình không biết địa chỉ mới của anh H ở đâu. Sau khi nhận các văn bản, thông báo của Tòa án bà M đã báo cho anh H biết việc chị T xin ly hôn và thời gian báo đến Tòa án để làm việc nhưng anh H bận công việc nên không về Tòa án giải quyết được và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay chị T có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm khởi kiện và yêu cầu như trên, anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến khi xét xử tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn chấp hành đúng quy định tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án.

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, chị T và anh H đã sống ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay. Mặc dù anh H đã được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để hòa giải đoàn tụ nhưng cố tình vắng mặt, thể hiện việc anh không muốn níu kéo hạnh phúc gia đình. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 53, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

Về con chung; về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không đề cập.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 143, 144, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị Nông Thị T phải chịu án phí theo quy định.

Về quyền kháng cáo: Tuyên theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nông Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Quan Văn H theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

Quá trình xác minh tại địa phương cho thấy, anh Quan Văn H có hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã L, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Anh H đi làm ăn xa nhưng không thông báo địa chỉ mới nên hiện tại không rõ anh H đang ở đâu. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập, gia đình anh H đã thông báo cho anh H nhưng anh H vẫn không về và cũng không thông báo địa chỉ nơi ở và nơi làm việc, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện C đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục niêm yết, tổng đạt văn bản tố

tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bị đơn anh Quan Văn H vẫn vắng mặt lần thứ hai, chị Nông Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị T và anh Quan Văn H được xác lập trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Tuyên Quang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 16 tháng 01 năm 2014, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không tin tưởng nhau, nghi ngờ nhau có quan hệ bất chính với người khác nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, khiến tình cảm bị phai nhạt, hôn nhân không hạnh phúc. Thực tế, chị T và anh H đã sống ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay, từ khi sống ly thân anh chị đã bỏ mặc nhau, không ai quan tâm đến ai nữa. Từ khi thụ lý, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập anh H nhiều lần để lấy lời khai và hòa giải cho anh chị về đoàn tụ gia đình nhưng anh H vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này thể hiện anh H không có thiện chí đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc gia đình với chị T. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt chị T thể hiện rõ quan điểm yêu cầu được ly hôn anh H. Từ lý do trên, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, xét cần căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình cho chị Nông Thị Thanh được ly hôn với anh Quan Văn H. Hôn nhân giữa chị T và anh H chấm dứt theo quy định của pháp luật.

[2.2] Về con chung: Chị Nông Thị T và anh Quan Văn H không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết do vậy, không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Nông Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ vào Điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nông Thị T cho chị Nông Thị T được ly hôn với anh Quan Văn H. Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí: Chị Nông Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000<sup>d</sup> (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001826 ngày 10 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Anh Quan Văn H không phải nộp án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Nông Thị T, anh Quan Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã B, huyện C (Nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Loan**